

**HTOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 149/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 23 - 10 - 2018.

V/v: Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Đình Cửa.

Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích cán bộ Tòa án nhân dân huyện
Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam
Định tham gia phiên tòa:** Ông Hà Viết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2018/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 09
năm 2018. Về vụ án Kiện xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
55/2018/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1999; Địa chỉ: Thôn 6,
xã P, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

+ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D - sinh năm 1997; HKTT: Xóm x, xã T,
huyện N, tỉnh Nam Định. Hiện nay đang thi hành án phạt tù tại: Trại giam.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H
trong quá trình giải quyết thể hiện: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn D vào ngày
11/01/2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh
Nam Định. Ngay sau khi đăng ký kết hôn, trong khi chờ hai bên gia đình tổ chức

đám cưới theo phong tục địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do anh D không chịu lao động đi cướp tài sản của người khác lấy tiền và đã bị công an bắt giữ và bị Tòa án xét xử hai lần, tổng cộng cho hai bản án là 7 năm tù. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D là không còn mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H xác định chị và anh D không có con chung. Về tài sản chung vợ chồng chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt nhưng lời khai của anh D tại buổi làm việc với Tòa án cũng như trong đơn đề nghị thể hiện: Anh và chị H kết hôn với nhau vào tháng 01 năm 2018, được UBND xã T cấp đăng ký kết hôn. Trong thời gian chờ gia đình tổ chức đám cưới anh đã vi phạm pháp luật và đã bị Tòa án xét xử phạt tù. Nay chị H có đơn xin ly hôn quan điểm của anh thuận tình ly hôn. Về con chung anh D thống nhất vợ chồng không có. Về tài sản chung anh thống nhất vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn D thống nhất thuận tình ly hôn vì vậy đề nghị Hội đồng xử thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H và anh D thống nhất không có.

- Về tài sản chung: Chị H và anh D thống nhất, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị H phải nộp phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị H có địa chỉ thường trú tại xã P, huyện Q, tỉnh Ninh Bình và anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại xóm x, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định, hiện anh D đang giam tại Trại giam. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân

dân huyện N giải quyết vụ án của anh chị được Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D vào tháng 01/2018 được UBND xã T cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi được cấp đăng ký kết hôn vợ chồng chưa chung sống với nhau ngày nào thì anh D đã vi phạm pháp luật và bị kết án tù giam. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh D cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của anh D và chị H là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy được chấp nhận

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D đều thống nhất vợ chồng không.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra vấn đề xem giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 6 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D.

2 - Án phí dân sự sơ thẩm Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ, số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp theo biên lai số BB/2012/006324 ngày 28/09/2018 tại

Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng được đối trừ, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nơi nhận:

- Toà án Tỉnh.
- VKS huyện.
- THA huyện.
- UBND xã T.
- UBND xã P.
- Các đương sự.
- Lưu án văn